

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

2. Ông Đào Danh Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Hải A, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 3, ấp TS, xã TS, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Nguyễn Đức P, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp TS, xã TS, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Chỗ ở hiện nay: Số A19, P, phường LD, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải A trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Đức P vào ngày 04/12/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hôn nhân tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng chị chung sống đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chị đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: Chị và anh P có hai con chung là Nguyễn Thị Lệ Q,

sinh ngày 03/7/2010 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 21/07/2015. Hiện nay hai con chung đang sống chị, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai đề ngày 20/12/2021 bị đơn anh Nguyễn Đức P trình bày:

Anh đăng ký kết hôn với chị A vào ngày 04/12/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hôn nhân tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng anh chị chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp. Vợ chồng anh đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế.

Về hôn nhân: Chị A yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Anh và chị A có hai con chung là Nguyễn Thị Lệ Q, sinh ngày 03/7/2010 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 21/07/2015. Hiện nay hai con chung đang sống chị A, anh đồng ý giao hai con chung cho chị A nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì anh bận đi làm ăn xa nên xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, các đương sự có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện XM để giải quyết vụ án, nên đây là tranh về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị A và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90 quyển số 01/2009 ngày 04/12/2009, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị A và anh P thừa nhận trong quá trình chung sống chị A và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Chị A yêu cầu ly hôn thì anh P đồng ý. Việc thừa nhận của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh P đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần áp dụng Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị A và anh P có hai con chung là Nguyễn Thị Lệ Q, sinh ngày 03/7/2010 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 21/07/2015, hiện nay hai con chung đang sống với chị A. Anh P đồng ý giao hai con chung cho chị A nuôi dưỡng, đồng thời nguyện vọng của cháu Q muốn được ở với mẹ, do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con cần giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Chị A và anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hải A ly hôn anh Nguyễn Đức P.
2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thị Lệ Q, sinh ngày 03/7/2010 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 21/07/2015 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hải A phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0010579 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Chị A đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- CCTHA Dân sự huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã TS, huyện Xuyên Mộc;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thảo Sương